

Bản án số: 825/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/7/2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quân;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Phú Tuấn – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 96/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 683/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 915/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lưu Kiệt X, sinh năm 1964 - Có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1986 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: 6 đường L, Khu phố G, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, bản tự khai, các biên bản hòa giải, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn ông Lưu Kiệt X trình bày:

Ông Lưu Kiệt X và bà Nguyễn Thị D kết hôn, chung sống từ năm 2014 và được Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 203 ngày 19/9/2014. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ khiến không khí gia đình rất nặng nề, căng thẳng. Nguyên nhân là do bà D thường xuyên có lời nói xúc phạm đến ông X cùng gia đình. Dù hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không cải thiện được. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên dù vẫn sống chung nhà nhưng thực tế đã không còn quan tâm đến nhau từ tháng 4/2023 đến nay. Nay ông X nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống và hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà D.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung, và các nghĩa vụ dân sự khác: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn là bà Nguyễn Thị D nhưng bà D đều vắng mặt tại Tòa không rõ lý do và Tòa án cũng không nhận được bất kỳ văn bản trình bày ý kiến của bà D đối với các yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đang cư trú tại Quận A nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là ông Lưu Kiệt X có đơn xin xét xử vắng mặt. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là bà Nguyễn Thị D nhưng bà D đều vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Về hôn nhân:

Ông Lưu Kiệt X và bà Nguyễn Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 203 ngày 19/9/2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian chung sống đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn nên ông X có đơn xin ly hôn. Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải ông X đều xác định không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với bà D, nếu tiếp tục thì mâu thuẫn cứ kéo dài. Kết quả xác minh về quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông X tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận A thể hiện: “...Ủy ban nhân dân phường T không nắm rõ vấn đề mâu thuẫn giữa ông Lưu Kiệt X và bà Nguyễn Thị D”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, có đủ cơ sở kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa ông

Lưu Kiệt X và bà **Nguyễn Thị D** thực sự mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà **Nguyễn Thị D** đến để giải quyết vụ kiện nhưng bà **D** đều không đến, thể hiện bà **D** không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng. Xét thấy, đời sống chung giữa vợ chồng ông **Lưu Kiệt X** và bà **Nguyễn Thị Diễm I** vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ các Điều 19, 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông **X**.

[3.2]. Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Ông **Lưu Kiệt X** xác định không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4]. Về án phí: Ông **Lưu Kiệt X** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 57; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2022.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Về hôn nhân: Ông **Lưu Kiệt X** được ly hôn với bà **Nguyễn Thị Diễm I**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 203 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/9/2014 không còn giá trị pháp luật.

1.2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Ông **Lưu Kiệt X** xác định không có nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Ông **Lưu Kiệt X** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 00021612 ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông **Lưu Kiệt X** đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b, 7c và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q.12;
- CCTHADS Q.12;
- UBND nơi cấp GCN kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Minh Hà